TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2018
V/v tranh chấp
hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An
Các Hội thẩm nhân dân:
1, Bà Nguyễn Thị Bích Hường
2, Bà Lê Thị Thanh Mai
Thư ký phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký TAND huyện Đồng Hỷ
Đại diện VKSND huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hường - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 02 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 256/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T - sinh năm 1972
(có mặt tại phiên tòa)
+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1971
(vắng mặt tại phiên tòa)
Đều trú tại: Xóm MH, xã CT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện đến với nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới từ năm 1991. Sau khi cưới, chị và anh H chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Trong nhiều năm chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do anh H thường dùng bạo lực để uy hiếp chị, uống rượu say và đuổi đánh chị. Năm 2014, do chị không chịu đựng được cuộc sống chung nữa nên chị đã phải thuê nhà ra ở riêng. Nay chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 17/02/1993 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 07/5/1996. Hiện nay cả hai con đều dã trưởng thành đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh H có 01 ngôi nhà ba gian khoảng 70m^2 ở xóm MH, xã CT. Khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tại các Biên bản xác minh của Tòa án ngày 06/12/2017, ngày 21/12/2017, đại diện xóm MH và đại diện Ủy ban nhân dân xã CT cho biết: Anh H và chị T có hộ khẩu thường trú tại xóm MH, xã CT nhưng hiện nay anh H không có mặt ở địa phương, anh H đang đi làm vàng, địa phương không biết anh H làm ở đâu, thỉnh thoảng anh H có về nhà. Gia đình anh H không có người thân thích sống chung một nhà, các con của anh H và chị T đều đi làm ăn xa nên việc Tòa án tống đạt các văn bản cho anh H là không thực hiện được. Về tình trạng hôn nhân của anh H và chị T, địa phương được biết đã xảy ra mâu thuẫn nhiều lần, nguyên nhân do anh H hay uống rượu và gây chuyện với chị T, gần đây, anh H và chị T không chung sống với nhau nữa, chị T phải thuê nhà ra khu vực chợ CT để ở. Về việc đăng ký kết hôn, đại diện Ủy ban nhân dân xã CT cho biết, qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn từ năm 1991 đến năm 2000, Ủy ban xã không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn nên không có căn cứ xác định trong thời gian đó, anh H và chị Thư có đăng ký kết hôn hay không. Từ năm 2000 đến nay, không thấy có tên anh H và chị T trong sổ đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H và chị Thư theo quy định của pháp luật. Ủy ban xã được biết, khi chị T viết đơn xin ly hôn và xin xác nhận của Ủy ban xã thì anh H có mặt ở nhà nhưng anh H không ký đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn H. Về con chung: cả hai con đã trưởng thành. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] **Về tố tụng**: Đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn có địa chỉ thường trú tại xóm MH, xã CT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn H nhưng do anh H vắng mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn H.

[2.] **Về nội dung**: Căn cứ các lời khai của nguyên đơn chị Đỗ Thị T, căn cứ các biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân xã CT và tại xóm MH, nơi chị T và anh H sinh sống, Hội đồng xét xử xác định chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

"*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*".

Do vậy, cần thiết phải tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thư và anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 17/02/1993 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 07/5/1996. Hiện nay cả hai con đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không giải quyết về quyền nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 ngôi nhà ba gian tại xóm MH, xã CT nhưng chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Anh H không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định không có. Anh H không có lời khai nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

□n phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 17/02/1993 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 07/5/1996. Cả hai con đều đã trưởng thành.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

*** Án phí:** Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 04/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai số 0015897.

Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi Cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Vũ Thị An
(Đã ký)